TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2019/HNGĐ - ST Ngày 14/11/2019 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Giang, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã G, huyện N ngày 24 tháng 11 năm 2014. Thời gian đầu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống của hai vợ chồng khác biệt, từ đó dẫn đến vợ chồng luôn cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ khi vợ chồng làm nhà. Do thiếu tiền nên anh L bảo chị sang bên ngoại vay tiền, chị có hỏi vay nhưng không được. Từ đó anh L chửi bới, đánh đập chị. Có lần anh L bóp cổ, túm tóc, đập đầu chị vào tường, Ngoài ra, anh L còn đe dọa bố mẹ chị nếu đi ra đường gặp thì sẽ chém chết. Tháng 11/2018 chị đưa con về bên ngoại ở đến nay. Chị và anh L sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó. Hiện chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 25/5/2015 đang ở với chị. Nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Nguyễn Văn L:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh L không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã giao văn bản cho mẹ đẻ anh L là bà Đỗ Thị T1. Bà T1 cam kết sẽ giao hoặc thông báo ngay cho anh L biết, nhưng trong thời hạn luật định anh L không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình bà Đỗ Thị T1 ở thôn Đ, xã G. Bà T1 cho biết: Hiện nay anh L đang đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà. Theo bà được biết chị T và anh L chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, đã có lần anh L tát chị T nên chị T đã đưa con về bên ngoại ở. Anh L đã nhiều lần sang bên ngoại bảo chị T về nhưng chị T và phía gia đình bên ngoại không có thiện chí quay về đoàn tụ. Sau khi gia đình bà nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo ngay cho anh L biết nhưng anh L bận đi làm nên không về Tòa án để làm việc. Anh L có trao đổi với bà như sau: Về hôn nhân: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự là chị T đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Đối với anh L chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh vẫn

vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L. Hiện anh L không có mặt tại địa phương nên đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm từ đó dẫn đến cãi nhau. Đặc biệt khi làm nhà, kinh tế gia đình khó khăn, anh chị không tìm cách khắc phục dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị mỗi người một nơi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh L đã biết Tòa án thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản nêu ý kiến cũng không về để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị T xin được ly hôn, về phía anh L thông qua trao đổi với bà T1 cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 1 con chung. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của chị T là chính đáng. Về phía anh L hiện không có mặt tại địa phương, hơn nữa anh cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn

nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không buộc anh L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Mai Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 25/5/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001906 ngày 08/4/2019. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã G, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình